

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2024/HS-ST

Ngày 27 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Phúc Tiếng, ông Nguyễn Đức Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 276/2024/TLST-HS ngày 12/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2024/QĐXXST-HS ngày 13/9/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Quang M**, sinh ngày 03/3/1994 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 39/01 N, Tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang C, sinh năm 1970 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

- Tiền án: 02

+ Tại Bản án số 47/2022/HS-ST ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 03/3/2023, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

+ Tại Bản án số 259/2023/HS-ST ngày 31/8/2023, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 09/4/2024, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

- Nhân thân:

+ Ngày 29/10/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 19 tháng, theo Quyết định số 146/2018/QĐ-TA. Ngày 14/02/2020, bị cáo chấp hành xong quyết định.

+ Ngày 28/9/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 22 tháng, theo Quyết định số 164/2020/QĐ-

TA. Ngày 22/01/2022, bị cáo chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/6/2024 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **Phan Văn Đ**, sinh ngày 19/01/1994 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 47/29 T, Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Q, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không.

- Tiền án: 01, tại Bản án số 312/2021/HS-ST ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Ngày 18/10/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích.

- Nhân thân:

+ Ngày 06/02/2013, bị Ủy ban nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, theo Quyết định số 607/QĐ-UBND. Ngày 19/02/2015, bị cáo chấp hành xong quyết định.

+ Ngày 16/8/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố B áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng, theo Quyết định số 135/2019/QĐ-TA. Ngày 23/8/2020, bị cáo chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/6/2024 cho đến nay (có mặt).

** Bị hại:*

1. Anh Nguyễn Đăng K, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 95 M, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Anh Phạm Xuân S, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/10/6 N, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Đoàn Ngọc Tấn P, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 118 M, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Anh Nguyễn Gia H, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 10 đường A5, Thôn 1, xã C, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

5. Anh Tăng Lẫy V, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 10/3, Tổ dân phố 6, phường T, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn A, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 132/5 N, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 164 P, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Anh Nguyễn Thạch B, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã C, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Đinh Thị N, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 39/1 N, Tổ dân phố 6, Tp B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quang M (có 02 tiền án, về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích) và Phan Văn Đ (có 01 tiền án, về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có). Trong thời gian từ tháng 5/2024 đến ngày 16/6/2024, tại địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, Trần Quang M và Phan Văn Đ đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản là chim cảnh của người dân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Cuối tháng 5/2024, Trần Quang M điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo-22S2, màu nâu đen vàng, biển số 30M4-7972 chở Phan Văn Đ lưu thông trên các tuyến đường tại thành phố Buôn Ma Thuột để trộm cắp chim cảnh. Khi M và Đ đi đến nhà của anh Nguyễn Đăng K, ở địa chỉ 95 M, phường T, thành phố B, thì phát hiện phía trước phòng khách của ngôi nhà có treo 01 lồng chim, hình vuông, bên trong có nuôi 01 con chim Chào Mào, không có người trông coi. Lúc này, M dừng xe mô tô lại trước nhà anh K cảnh giới, còn Đ xuống xe mô tô đi đến lén lút trộm cắp lồng chim và chim Chào Mào của anh K, rồi ngồi lên xe mô tô biển số 30M4-7972 do M điều khiển, tẩu thoát. Sau đó, M và Đ mang lồng chim và chim Chào Mào của anh K đến tiệm chim cảnh do ông Nguyễn Văn T làm chủ, ở địa chỉ 64 P, phường T, thành phố B bán được số tiền 600.000 đồng. Số tiền 600.000 đồng có được, M và Đ sử dụng mua ma túy của một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường Đ, phường T, thành phố B để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chim và lồng chim của M và Đ, ông T đã bán lại cho người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐGTS ngày 15/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 con chim Chào Mào, trị giá 1.500.000 đồng; 01 chiếc lồng chim có các mặt hình vuông, kích thước khoảng (40x40x40)cm, trị giá 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 05/6/2024, M điều khiển xe mô tô biển số 30M4-7972, chở Đ lưu thông trên các tuyến đường tại thành phố Buôn Ma Thuột, để trộm cắp chim cảnh. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, M và Đ đi đến phía trước số nhà 231/3 N, phường T, thành phố B của anh Phạm Xuân S, thì phát hiện phía trước nhà có treo 01 lồng chim, kích thước khoảng (38x38x38)cm, bên trong có nuôi 01 con chim Chào Mào, không người trông coi. Lúc này, M dừng xe mô tô đứng cảnh giới, còn Đ đi đến lén lút trộm cắp lồng chim và chim Chào Mào của anh S, rồi ngồi lên xe mô tô biển số 30M4-7972 do M điều khiển, tẩu thoát. Sau đó, M và Đ mang lồng chim và chim Chào Mào của anh S bán cho anh Lê Văn A, trú tại 132/5 N, phường T, thành phố B được số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng có được, M và Đ sử dụng mua ma túy của một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường P, thành phố B để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chim và lồng chim của M và Đ, anh Lê Văn A đã bán lại cho người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐGTS ngày 15/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 con chim Chào Mào, trị giá 1.200.000 đồng; 01 chiếc lồng chim, kích thước khoảng (38x38x38)cm, trị giá 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.700.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 08/6/2024, M điều khiển xe mô tô biển số 30M4-7972, chở Đ lưu thông trên các tuyến đường tại thành phố Buôn Ma Thuột, để trộm cắp chim cảnh. Đến khoảng 08 giờ 10 phút cùng ngày, M và Đ đi đến phía trước trụ sở Công ty trách nhiệm hữu hạn S, địa chỉ 46 M, phường T, thành phố B, thì phát hiện 01 lồng chim bằng gỗ có các mặt hình vuông, kích thước khoảng (45x45x45)cm, bên trong có nuôi 01 con chim Chào Mào của anh Đoàn Ngọc Tấn P, trú tại 118 M, phường T, thành phố B đang treo phía trước không có người trông coi. Lúc này, M dừng xe mô tô đứng cạnh giới, còn Đ đi đến lên lút trộm cắp lồng chim và chim Chào Mào của anh P, rồi ngồi lên xe mô tô biển số 30M4-7972 do M điều khiển, tẩu thoát. Sau đó, M và Đ mang lồng chim và chim Chào Mào của anh P đến tiệm chim cảnh do ông Nguyễn Văn T làm chủ, bán cho ông T được số tiền 500.000 đồng. Số tiền 500.000 đồng có được, M và Đ sử dụng mua ma túy của một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường P, thành phố B để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chim và lồng chim của M và Đ, ông T đã bán lại cho người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐGTS ngày 15/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 con chim Chào Mào, trị giá 700.000 đồng; 01 chiếc lồng chim, kích thước khoảng (45x45x45)cm, trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 900.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 11 giờ ngày 10/6/2024, M điều khiển xe mô tô biển số 30M4-7972, chở Đ lưu thông trên các tuyến đường tại thành phố Buôn Ma Thuột, để trộm cắp chim cảnh. Đến khoảng 11 giờ 10 phút cùng ngày, M và Đ đi đến phía trước nhà của anh Nguyễn Gia H, địa chỉ số 10 đường A5, Thôn 1, xã C, thành phố B, thì phát hiện 01 chiếc lồng chim hình vuông, bằng kim loại, kích thước (40x40x40)cm, bên trong có nuôi 01 con chim Chào Mào đang treo phía trước nhà, không có người trông coi. Lúc này, M quay đầu xe mô tô, dừng cách nhà anh H khoảng 2m đứng cạnh giới, còn Đ đi đến lên lút trộm cắp lồng chim và chim Chào Mào của anh H, rồi ngồi lên xe mô tô biển số 30M4-7972 do M điều khiển, tẩu thoát. Sau đó, M và Đ mang lồng chim và chim Chào Mào của anh H đến tiệm chim cảnh do ông Nguyễn Văn T làm chủ, bán cho ông T được số tiền 600.000 đồng. Số tiền 600.000 đồng có được, M và Đ sử dụng mua ma túy của một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường Phan Bội Châu, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chim và lồng chim của M và Đ, ông T đã bán lại cho người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐGTS ngày 15/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 con chim Chào Mào, trị giá 2.100.000 đồng; 01 chiếc lồng chim hình

vuông, bằng kim loại, kích thước khoảng (40x40x40)cm, trị giá 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 2.300.000 đồng.

Vụ thứ năm: Sáng ngày 12/6/2024, M điều khiển xe mô tô biển số 30M4-7972, chở Đ lưu thông trên các tuyến đường tại thành phố Buôn Ma Thuột, để trộm cắp chim cảnh. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, M và Đ đi đến phía trước nhà của anh Nguyễn Đăng K, ở địa chỉ 95 M, phường T, thành phố B, thì phát hiện phía trước phòng khách của ngôi nhà có treo 01 lồng chim, bằng tre chạm khung bi, hoa văn mai hóa rồng, kích thước (37x37x48)cm bên trong có nuôi 01 con chim Chào Mào đít đỏ, không có người trông coi. Lúc này, M dừng xe mô tô phía trước nhà anh K cảnh giới, còn Đ xuống xe mô tô đi đến lén lút trộm cắp lồng chim và chim Chào Mào của anh K, rồi ngồi lên xe mô tô biển số 30M4-972 do M điều khiển, tẩu thoát. Sau đó, M và Đ mang lồng chim và chim Chào Mào của anh K đến tiệm mua bán chim cảnh, địa chỉ 196 L, phường T, thành phố B để hỏi bán. Tại đây, M và Đ gặp anh Lê Văn A, trú tại 132/5 N, phường T, thành phố B, rồi bán cho anh Lê Văn A được số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng có được, M và Đ sử dụng mua ma túy của một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường Phan Bội Châu, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chim và lồng chim của M và Đ, anh Lê Văn A đã bán cho anh Nguyễn Thạch B, trú tại Thôn 3, xã C, thành phố B với số tiền 4.000.000 đồng. Đến ngày 21/6/2024, anh B đã tự nguyện giao nộp lồng chim và chim Chào Mào của anh K để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 134/KL-HĐĐGTS ngày 22/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 con chim Chào Mào đít đỏ, lưng có lông màu đen, mào màu đen nhọn, bụng có lông màu trắng, đuôi dài màu đen, trị giá 1.500.000 đồng; 01 chiếc lồng chạm khung bi, hoa văn mai hóa rồng, chất liệu tre, các mặt xung quanh và mặt đáy lồng được đan bằng 19 nan tre, mặt trên được đan bằng 38 nan tre, kích thước (37x37x48)cm, trị giá 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 3.500.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 09 giờ ngày 14/6/2024, M điều khiển xe mô tô biển số 30M4-7972, chở Đ lưu thông trên các tuyến đường tại thành phố Buôn Ma Thuột, để trộm cắp chim cảnh. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, M và Đ đi đến phía trước Công ty kinh doanh mâm lốp ô tô Q, địa chỉ Đường 10/3, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B do anh Tăng Lẫy V làm chủ, thì phát hiện trong phòng khách công ty có treo nhiều lồng chim, không có người trông coi. Lúc này, M dừng xe mô tô phía trước cảnh giới, còn Đ xuống xe mô tô đi đến lén lút trộm cắp 01 lồng chim tròn, bằng nan tre, đường kính 38cm, chiều cao 45cm, bên trong có nuôi 01 con chim Khướu, có lông màu đen, rồi ngồi lên xe mô tô biển số 30M4-7972 do M điều khiển, tẩu thoát. Sau đó, M và Đ mang lồng chim và chim Khướu của anh V đến tiệm chim cảnh do ông Nguyễn Văn T làm chủ, bán cho ông T được số tiền 1.200.000 đồng. Số tiền 1.200.000 đồng có được, M và Đ sử dụng mua ma túy của một người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường Phan Bội Châu, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 21/6/2024, ông T đã tự nguyện giao nộp 01 con chim Khướu để phục vụ công tác điều tra, còn lồng chim bằng tre đã cũ ông T đã vứt bỏ (chưa rõ địa điểm) nên Cơ

quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 134/KL-HĐĐGTS ngày 22/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 chiếc lồng tròn, chất liệu nan tre, đường kính 38cm, chiều cao 45cm, trị giá 200.000 đồng và 01 con chim Khướu, có lông màu đen, lông vùng má màu trắng, trị giá 1.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 1.200.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 09 giờ ngày 16/6/2024, M điều khiển xe mô tô biển số 30M4-7972, chở Đ lưu thông trên các tuyến đường tại thành phố Buôn Ma Thuột, để trộm cắp chim cảnh. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, M và Đ đi đến phía trước nhà của anh Nguyễn Đăng K, ở địa chỉ 95 M, phường T, thành phố B, thì phát hiện phía trước phòng khách của ngôi nhà có treo nhiều lồng chim, không có người trông coi. Lúc này, M dừng xe mô tô phía trước nhà anh K cảnh giới, còn Đ xuống xe mô tô đi đến lén lút trộm cắp 01 lồng chim hình vòm tròn, kích thước khoảng (50x30x50)cm, bên trong có nuôi 01 con chim Chích Chèo Lửa, rồi ngồi lên xe mô tô biển số 30M4-7972 do M điều khiển, tẩu thoát. Sau đó, M và Đ mang lồng chim và chim Chích Chèo Lửa của anh K đến bán cho anh Lê Văn A được số tiền 500.000 đồng. Số tiền 500.000 đồng có được, M và Đ sử dụng mua ma túy của người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực đường Ama Khê, thành phố Buôn Ma Thuột để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chim và lồng chim của M và Đ, anh Lê Văn A đã bán lại cho người (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 175/KL-HĐĐGTS ngày 15/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Buôn Ma Thuột, kết luận: 01 con chim Chích Chèo Lửa trị giá 1.800.000 đồng và 01 chiếc lồng chim hình vòm tròn, kích thước khoảng (50x30x50)cm, trị giá 1.100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.900.000 đồng.

Đồ vật tài liệu bị tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim thuê bao số 0946964147; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 4, màu đen, gắn sim thuê bao số 0938481551; 01 xe mô tô hiệu YAMAHA NOUVO-22S2, biển số 30M4-7972; 01 con chim Chào Mào đít đỏ được nhốt trong 01 chiếc lồng chạm khung bi, chất liệu tre, các mặt xung quanh và mặt đáy lồng được đan bằng 19 nan tre, mặt trên được đan bằng 38 nan tre, kích thước (37x37x48)cm và 01 con chim Khướu, lông màu đen.

Tại bản Cáo trạng số 289/CT-VKS-HS ngày 11/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, lần lượt theo điểm b khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và nội dung bản Cáo trạng.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

- Về hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Trần Quang M từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Phan Văn Đ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về các biện pháp tư pháp:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã giao trả 01 con chim Chào Mào đít đỏ nhót trong 01 chiếc lồng chạm khung bi cho anh Nguyễn Đăng K; trả 01 con chim Khướu, lông màu đen cho anh Tăng Lẫy V; trả chiếc xe mô tô Yamaha Nouvo-22S2, biển số 30M4-7972 cho bà Đinh Thị N.

Đề nghị tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, gắn sim thuê bao số 0946964147 và 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 4, màu đen, gắn sim thuê bao số 0938481551 là tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Buộc bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ phải liên đới (theo phần bằng nhau) nộp lại số tiền 2.200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo phải liên đới (theo phần bằng nhau) bồi thường cho các bị hại gồm: Bồi thường cho anh Nguyễn Đăng K 5.400.000 đồng, anh Phạm Xuân S 1.700.000 đồng, anh Đoàn Ngọc Tấn P 900.000 đồng, anh Nguyễn Gia H 2.300.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên trong thời gian từ cuối tháng 5/2024 đến ngày 16/6/2024, tại địa bàn thành phố Buôn Ma

Thuật, các bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản là chim cảnh và lồng chim của anh Nguyễn Đăng K, anh Phạm Xuân S, anh Đoàn Ngọc Tấn P, anh Nguyễn Gia H và anh Tăng Lầy V. Tổng trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp của bị hại là: 15.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo là người thành niên, có khả năng nhận thức nên biết được hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác, gây mất trật tự trị an. Tuy nhiên, do ý thức coi thường pháp luật, lười lao động, lấy kết quả của việc trộm cắp tài sản làm nguồn sống chính cho bản thân nên các bị cáo đã liên tiếp 07 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (trong đó 04 lần trị giá tài sản trên 2.000.000 đồng). Riêng đối với bị cáo Trần Quang M, đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên đối với 03 lần trộm cắp (vụ 2, 3 và 6) trị giá tài sản mỗi lần dưới 2.000.000 đồng cũng đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt lần lượt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;”

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Quang M có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Phan Văn Đ có 01 tiền án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, các bị cáo chưa được xóa án tích nên đối với lần phạm tội này các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bên cạnh đó, các bị cáo 07 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản (trong đó 04 lần trị giá tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng) nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết

của vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

Trong quá trình điều tra xác định, 01 con chim Chào Mào đít đỏ được nhốt trong 01 chiếc lồng chạm khung bi, chất liệu tre, là tài sản của anh Nguyễn Đăng K; 01 con chim Khướu, lông màu đen, là tài sản của anh Tăng Lẫy V, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đề cập trong phần quyết định của Bản án.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, gắn sim thuê bao số 0946964147 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 4, màu đen, gắn sim thuê bao số 0938481551, quá trình điều tra xác định là tài sản của bị cáo Phan Văn Đ và Trần Quang M sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA NOUVO - 22S2, màu sơn nâu đen vàng, biển số 30M4-7972, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Đinh Thị N (mẹ ruột của bị cáo Mạnh) cho Trần Quang M mượn làm phương tiện đi lại, việc bị cáo Mạnh sử dụng vào việc phạm tội bà Nga không biết nên Cơ quan điều tra ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Đinh Thị N là có căn cứ.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng do các bị cáo bán chim cảnh và lồng chim (ở vụ 5) và số tiền 1.200.000 đồng do các bị cáo bán chim cảnh và lồng chim (ở vụ 6) mà có, tổng cộng là 2.200.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị hại anh Nguyễn Đăng K và anh Tăng Lẫy V không yêu cầu các bị cáo bồi thường; anh Nguyễn Thạch B, anh Lê Văn A và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu các bị cáo M và Đ hoàn trả lại số tiền đã bỏ ra mua chim và lồng chim. Do đó, cần truy thu tổng số tiền 2.200.000 đồng từ bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ để sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại anh Tăng Lẫy V đã nhận lại tài sản là con chim Khướu (vụ 6) nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; anh Nguyễn Đăng K, anh Phạm Xuân S, anh Đoàn Ngọc Tấn P và anh Nguyễn Gia H chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường trị giá tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, cần buộc bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ phải liên đới (theo phần bằng nhau) bồi thường cho bị hại, cụ thể:

+ Bồi thường cho anh Nguyễn Đăng K: 5.400.000 đồng (trị giá chim Chào Mào, chim Chích Chòe và lồng chim đã chiếm đoạt ở vụ 1 và 7);

+ Bồi thường cho anh Phạm Xuân S: 1.700.000 đồng (trị giá chim Chào Mào và lồng chim đã chiếm đoạt ở vụ 2);

+ Bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Tấn P: 900.000 đồng (trị giá chim Chào

Mào và lồng chim đã chiếm đoạt ở vụ 3);

+ Bồi thường cho anh Nguyễn Gia H: 2.300.000 đồng (trị giá chim Chào Mào và lồng chim đã chiếm đoạt ở vụ 4):

Anh Nguyễn Thạch B, anh Lê Văn A và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra mua chim và lồng chim từ các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về hành vi và các đối tượng liên quan:

Đối với ông Nguyễn Văn T, anh Lê Văn A, anh Nguyễn Thạch B là những người mua chim và lồng chim từ bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ nhưng không biết nguồn gốc tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, là phù hợp.

Đối với người nam thanh niên (chưa rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực đường Phan Bội Châu, đường Đinh Núp và đường Ama Khê, thành phố Buôn Ma Thuột là người bán ma túy cho Trần Quang M và Phan Văn Đ, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra khỏi vụ án, tiếp tục xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ, cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo là có căn cứ.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Trần Quang M**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/6/2024.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Phan Văn Đ**: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/6/2024.

[2] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật dân sự:

[2.1] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số imei 358991096071319, gắn sim thuê bao số 0946964147, là tài sản của bị cáo Phan Văn Đ.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 4, màu đen, số imei 865028037499162, gắn sim thuê bao số 0938481551, là tài sản của bị cáo Trần Quang M.

(Vật chứng có đặc điểm cụ thể theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/9/2024 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk)

- Buộc bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ phải liên đới nộp lại số tiền 2.200.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước (mỗi bị cáo phải nộp 1.100.000 đồng).

[2.2] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ phải liên đới (theo phần bằng nhau) bồi thường cho những bị hại sau:

- Bồi thường cho anh Nguyễn Đăng K: 5.400.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Phạm Xuân S: 1.700.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Đoàn Ngọc Tấn P: 900.000 đồng.

- Bồi thường cho anh Nguyễn Gia H: 2.300.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Bị cáo Trần Quang M và Phan Văn Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Công an Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng